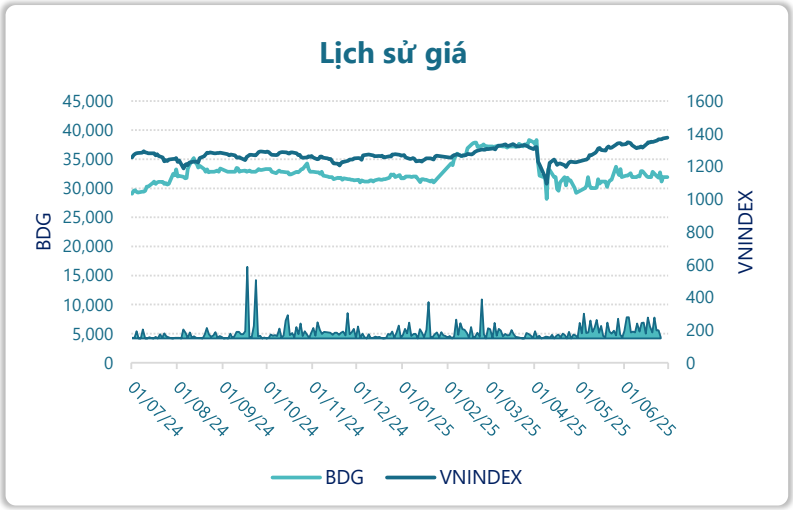
FireAnt

CTCP May mặc Bình Dương (UPCOM: BDG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**34,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,162
SL cổ phiếu LH	24,799,920
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,435
% sở hữu nước ngoài	1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	843
P/E	5.5
EPS	6,192

DT thuần

Q2/25

462

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 107| 30.0%

YoY: ▲ 11.0| 2.3%

LN sau thuế

Q2/25

40.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.7| 211%

YoY: ▼0.40| -1.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.7%

+/- YoY: ▼ 0.4%

DT thuần

6T 2025

816

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 1.4%

LN sau thuế

6T 2025

53.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.70| -15.3%

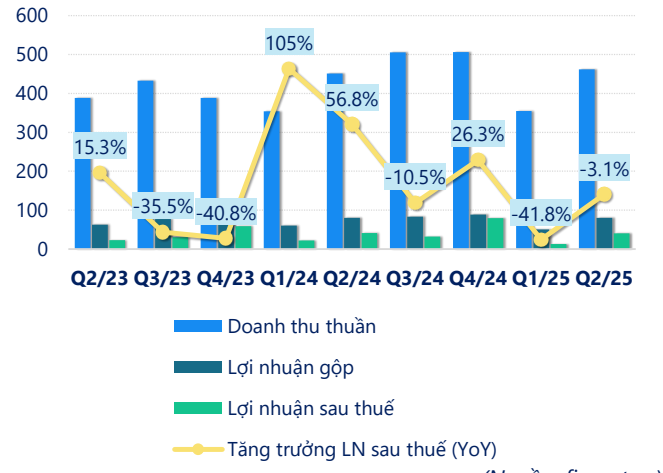
ROE

Q2/25

23.7%

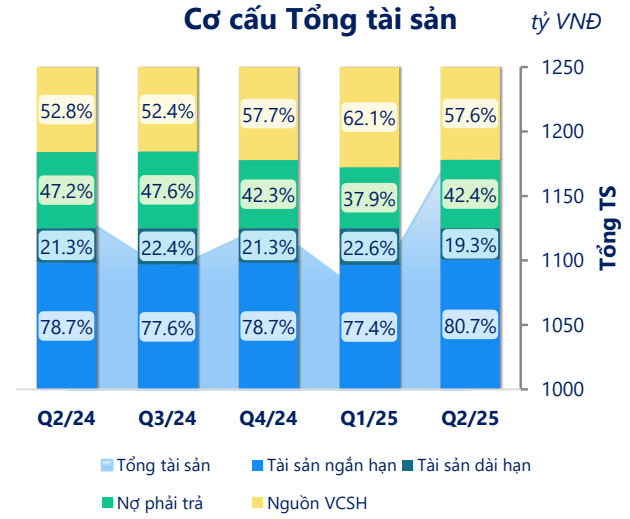
+/- YoY: ▼ 3.7%

Kết quả kinh doanh



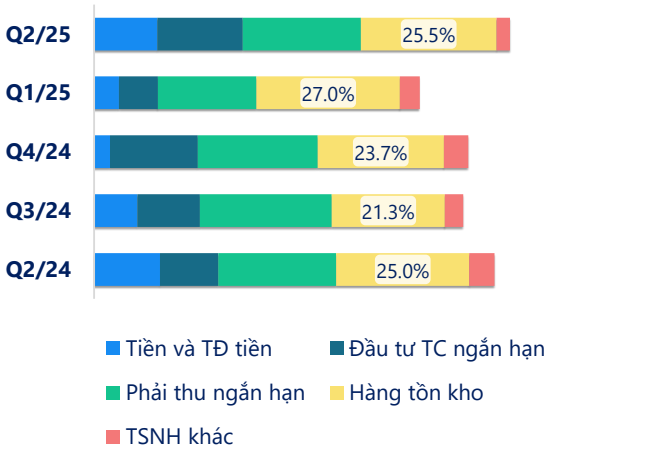
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



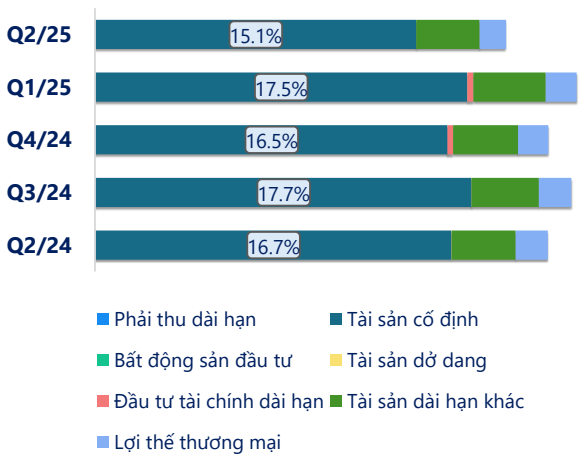
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



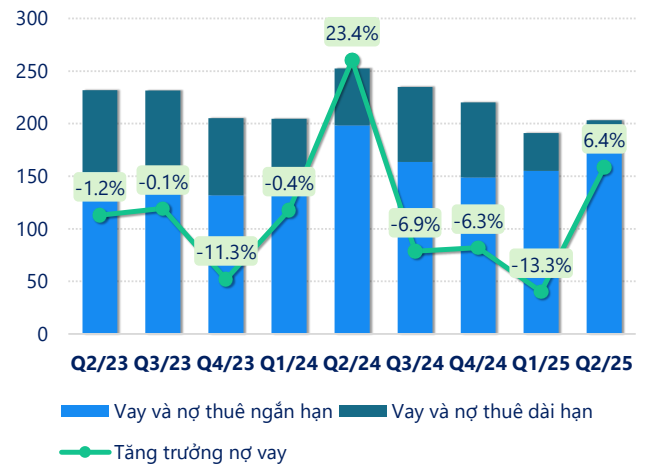
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



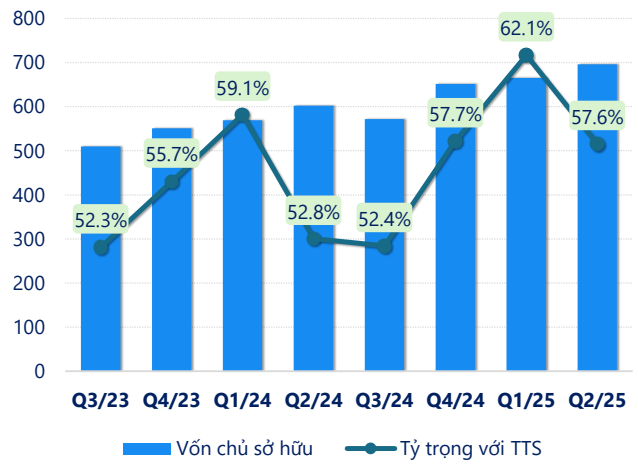
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



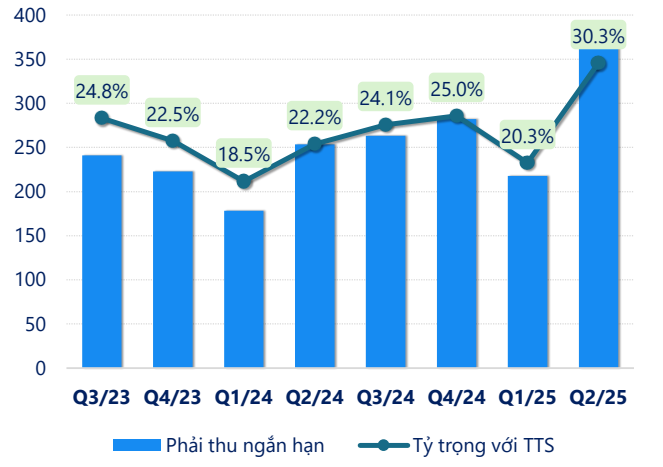
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



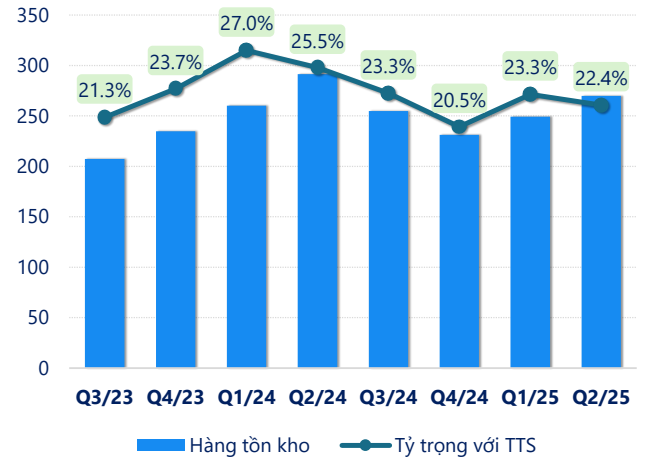
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



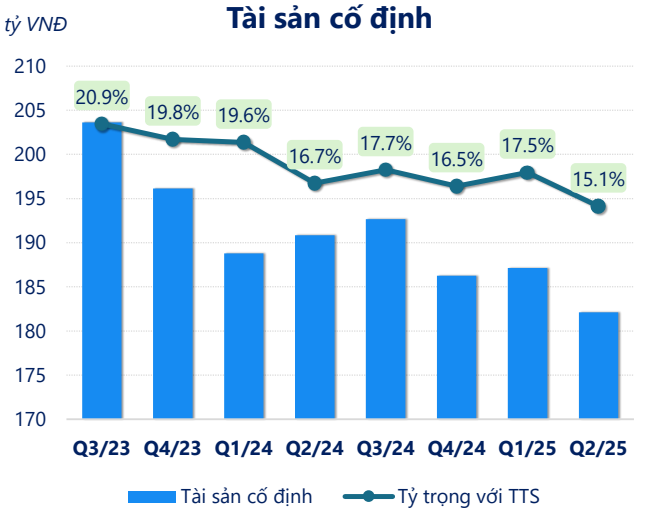
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



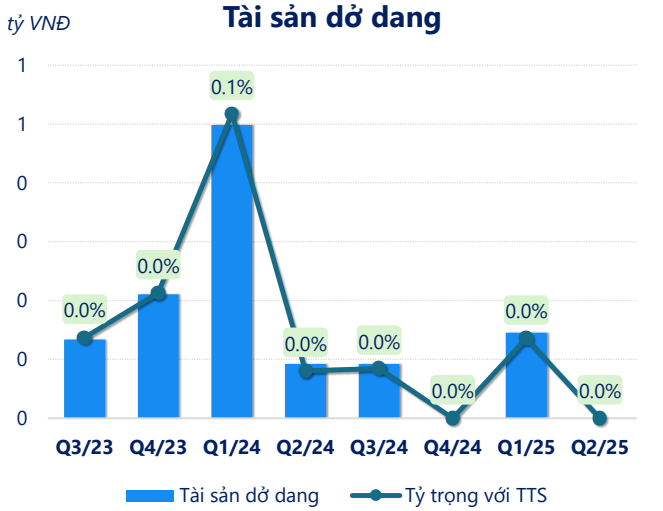
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



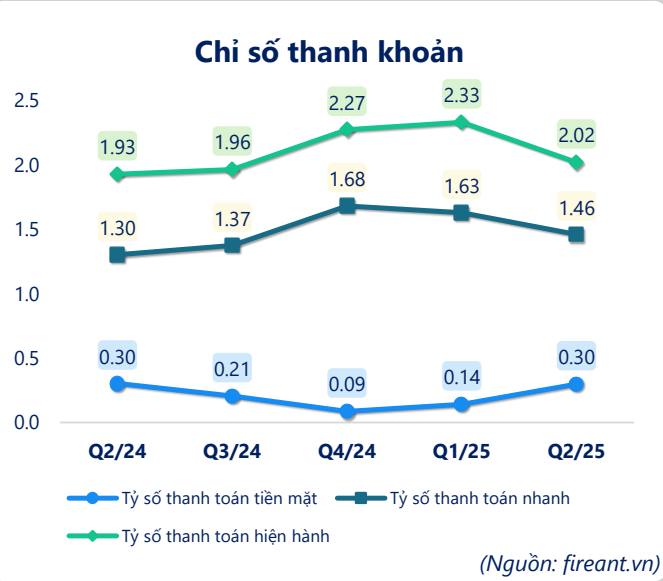
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



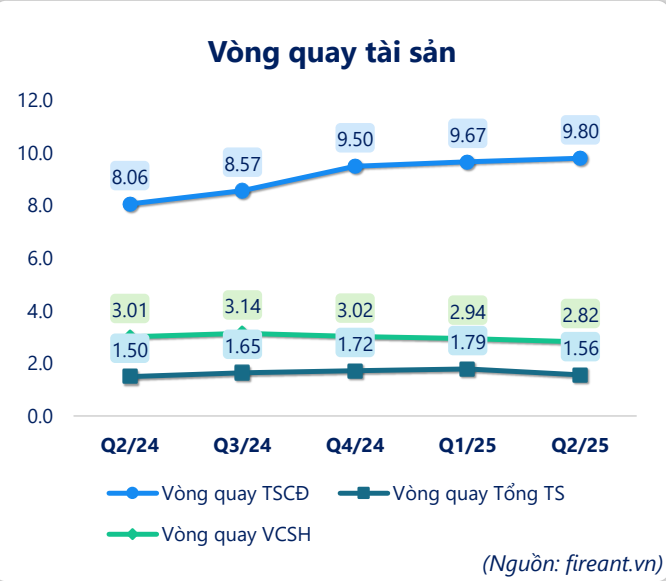
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,141**	**1,091**	**1,128**	**1,071**	**1,208**
Tài sản ngắn hạn	**898**	**847**	**887**	**828**	**974**
Tiền và tương đương tiền	141	88.7	33.7	50.3	144
Đầu tư tài chính ngắn hạn	183	192	280	235	150
Phải thu ngắn hạn	254	263	282	218	365
Hàng tồn kho	291	255	231	249	270
Tài sản ngắn hạn khác	28.9	47.7	59.9	75.6	44.8
Tài sản dài hạn	**243**	**244**	**240**	**242**	**233**
Phải thu dài hạn	0.40	0.52	0.61	0.20	0.28
Tài sản cố định	191	193	186	187	182
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.09	0.09	0	0.15	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	3.00	3.00	0
Tài sản dài hạn khác	34.3	34.5	34.4	36.4	36.0
Lợi thế thương mại	17.2	16.7	16.1	15.6	15.0
Nợ phải trả	**539**	**520**	**477**	**406**	**512**
Nợ ngắn hạn	**466**	**431**	**390**	**355**	**482**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	198	164	149	155	185
Phải trả người bán ngắn hạn	167	126	121	132	184
Nợ dài hạn	73.0	88.5	86.3	50.1	29.5
Vay và nợ thuê dài hạn	53.9	71.4	71.4	35.9	17.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**602**	**572**	**651**	**665**	**696**
Vốn chủ sở hữu	**602**	**572**	**651**	**665**	**696**
Vốn điều lệ	248	248	248	248	248
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)